Số: 63/TB-SNV
Thời gian ký: 2026-07-15T11:02:23+07:00

DANH SÁCH HỒ SƠ CÁN BỘ ĐI B CHƯA TRAO TRẢ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày tháng năm 2026)

STT	Hồ sơ số	Họ và Tên	Quê quán	Ghi chú
01	27956	HOÀNG NGỌC ANH	Xã Hòa Vinh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
02	27958	HUỲNH NGỌC ANH	Thôn Hội Cư, xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
03	27962	NGUYỄN NGỌC ANH	Thôn Trường Thịnh, xã Hòa Vinh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
04	27966	TRƯƠNG ĐÌNH ANH	Thôn Phú Lâm, xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
05	27970	LÊ TRÚC ANH	Xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
06	27980	LÊ PHÚ ÂN	Thôn Xuân Thạnh, xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
07	27981	LƯU BÁ ẨN	Thôn 3, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
08	27997	ĐỖ THỊ BÀNG	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa	
09	27998	ĐỖ NHƯ BẢNG	Thôn Bàn Nham, xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
10	28001	NGUYỄN BẢY	Thôn Đa Ngư, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
11	28023	TRẦN VĂN BÌNH	Thôn Đa Ngư, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
12	28070	BÙI CƯƠNG	Thôn Bàn Thạch, xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
13	28095	TRẦN THỊ CHI	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
14	28096	NGUYỄN HỒNG CHÍ	Thôn Đông Tác, xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
15	28097	HOÀNG PHI CHIỂU	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa 1, tỉnh Phú Yên	
16	28101	NGUYỄN VĂN CHÍNH	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	

17	28135	KHOA	Thôn Thọ Lâm, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
18	28143	TỐ QUỐC DUNG; NGUYỄN THỌ NINH	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
19	28149	TÂN PHƯỚC	Thôn Phú Lạc, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa I, tỉnh Phú Yên	
20	28157	NGUYỄN MINH HUỆ, TỪ TRỌNG	Xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
21	28163	ĐẮC LỢI; NGÔ VĂN ĐẦY	Xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
22	28165	LẠC	Thôn Phú Lạc, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa I, tỉnh Phú Yên	
23	28189	VÕ VĂN ĐIỀU	Thôn Xuân Thạnh, xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
24	28192	NGUYỄN HỮU ĐINH	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa 1, tỉnh Phú Yên	
25	28195	NGUYỄN TRỌNG ĐOẠN	Lò 3, Thọ Lâm, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
26	28229	NGUYỄN VĂN GIÁC	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
27	28253	BÙI VĂN HÁT	Thôn Phú Lạc, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa I, tỉnh Phú Yên	
28	28268	NGUYỄN THỊ THANH HIỆP	Thôn Phú Lạc, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa , tỉnh Phú Yên	
29	28276	TRẦN QUANG HIỆU	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
30	28285	TRẦN TRỌNG HÒA	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
31	28298	LÊ THỊ MINH HỒNG	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
32	28306	NGUYỄN VĂN HuẾ	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
33	28317	PHẠM NGỌC HÙNG	Xã Hòa Hiệp; huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
34	28318	PHẠM NGỌC HÙNG	Xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa I, tỉnh Phú Yên	
35	28323	NGUYỄN SINH HUY	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	

36	28334	NGUYỄN VĂN HỮU	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
37	28336	TRẦN VĂN HỮU	Thôn Canh Phước, xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
38	28345	ĐẶNG KIỆN	Thôn Phú Lạc, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
39	28356	PHẠM KHẮC KÍNH	Thôn Đa Ngư, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
40	28389	TRẦN KHIẾM	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
41	28398	NGUYỄN ĐÌNH KHƯƠNG	Thôn Phú Lễ, xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
42	28413	LÊ XUÂN LẬP	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
43	28423	NGUYỄN LIA	Thôn Thạch Lâm, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
44	28424	PHẠM LIA	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
45	28434	NGÔ VĂN LIỄU	Xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
46	28454	TRẦN VĂN LỘC	Xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
47	28457	PHẠM THẮNG LỢI	Thôn Phú Lạc, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
48	28466	NGUYỄN HOA LƯ	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
49	28474	NGUYỄN VIẾT LƯỜNG	Xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
50	28475	NGUYỄN HỮU LƯỢNG	Thôn Phú Hiệp, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
51	28480	LÊ VĂN LÝ	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
52	28492	NGUYỄN HỮU MAI	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
53	28494	NGUYỄN THỊ MAI	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
54	28499	VĂN THỊ MẠNG	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	

55	28509	TRẦN THỊ MIA	Thôn Đa Ngư, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa I tỉnh Phú Yên	
56	28511	PHẠM VĂN MIÊN	Thôn Phú Khê, xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
57	28513	HUỲNH MINH	Thôn Phú Lâm, xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa tỉnh Phú yên	
58	28517	LÊ VĂN MINH	Thôn Nhất Sơn, xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
59	28530	NGUYỄN XUÂN MỘC	Thôn Phú Quý, xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
60	28536	NGUYỄN VĂN MƯU	Thôn Xuân Thạnh, xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
61	28544	TRƯƠNG TẤN MỸ	Xã Hòa Tấn, huyện Tuy Hòa, tỉnh P.Yên	
62	28583	LÊ TẤN NGỌC	Thôn Cảnh Phước, xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
63	28604	NGUYỄN NHẪN	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
64	28618	TRẦN ĐẮC NHỊ	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
65	28620	NGUYỄN VĂN NHO	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
66	28623	ĐOÀN VĂN NHƠN	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
67	28646	NGUYỄN VĂN PHONG	Thôn Phú Khê, xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
68	28656	LÊ PHÚ	Thôn Bàn Thạch, xã Hòa Xuân, tỉnh Phú Yên	
69	28658	NGUYỄN HỮU PHÚC	Thôn Phú Hiệp, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
70	28662	PHAN ĐÌNH PHỤNG	Xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
71	28672	LÊ THỊ KIM PHƯƠNG	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
72	28678	NGÔ QUANG	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
73	28694	TRẦN ĐỨC QUÝ	Thôn Thọ Lâm, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	

74	28697	NGUYỄN QUYỀN	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
75	28710	LÊ VĂN SANG	Thôn Phú Lạc, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
76	28713	HUỲNH NGỌC SANH	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
77	28714	HUỲNH TẤN SANH	Thôn Đông Tác, xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
78	28724	LỮ SINH	Xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
79	28749	NGUYỄN THÀNH SỸ	Thôn Bàn Nham, xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
80	28750	NGUYỄN VĂN SỸ	Thôn Phú Khê, xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
81	28752	TRẦN VĂN SỸ	Xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
82	28771	NGUYỄN MINH TÂM	Xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
83	28779	ĐINH VĂN TÂN	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
84	28780	LÊ TẤN	Xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
85	28784	NGUYỄN TẤN	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
86	28788	PHẠM NGỌC TÂN	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
87	28823	ĐINH VĂN TUYẾN	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
88	28830	HUỲNH CHÍ TỪ	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
89	28839	NGUYỄN TỴ	Thôn Bàn Nham, xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa , tỉnh Phú Yên	
90	28844	NGUYỄN MINH THÁI	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
91	28860	TRẦN THANH	Thôn Phú Hiệp, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
92	28865	NGUYỄN VĂN THÀNH	Xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	

93	28866	PHẠM NGỌC THÀNH	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
94	28871	NGUYỄN THỊ THẢNH	Thôn Xuân Thạnh, xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
95	28872	ĐINH VĂN THẠNH	Thôn Thọ Tâm, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
96	28879	LÊ TẤN THĂNG	Xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
97	28885	VÕ THẮNG	Xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
98	28886	NGUYỄN VĂN THẮM	Thôn Phú Khánh, xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
99	28888	TRƯƠNG TẤN THÊM	Thôn Hội Cư, xã Hòa Tân huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
100	28891	PHẠM TIẾN THI	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
101	28894	TRẦN VĂN THÍ	Xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
102	28899	NGUYỄN VĂN THIỆN	Thôn Phước Bình, xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa tỉnh Phú Yên	
103	28902	NGUYỄN VĂN THIỆU	Xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
104	28907	NGÔ CÔNG THỌ	Thôn Thạch Tuân, xã Hòa Xuân, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
105	28915	NGUYỄN THỐNG	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
106	28950	LÊ TẤN THƯỜNG	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
107	28965	VÕ TRÈN	Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
108	28969	NGUYỄN TRÍ	Thôn Phước Lộc, xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
109	28984	LÊ QUANG TRUNG	Xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
110	28990	HÀ VĂN TRƯỜNG	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
111	28991	NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	Thôn Phú Hiệp, xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	

112	28999	ĐỖ ĐỒNG VĂN	Thôn Phước Lộc, xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
113	29018	HUỲNH BỬU VỴ	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
114	29021	TRẦN THỊ XANH	Xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa 1, tỉnh Phú Yên	
115	27996	TRẦN KIM BANG	Xã Hiệp Hòa, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
116	28073	TẠ QUYẾT CƯỜNG	Xã Hoài Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
117	28075	ĐOÀN CỪU	Xã Hoài Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
118	28155	TRỊNH ĐÌNH DƯỢC	Xóm Yên Thượng, xã Phú Yên, tỉnh Phú Yên	
119	28217	TRỊNH ĐÌNH ĐƯỢC	Huyện Thắng Lợi, tỉnh Phú Yên	
120	28254	NGUYỄN VĂN HẠT	Thôn Mỹ Thanh, xã An Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
121	28315	NGUYỄN VĂN HÙNG	Xã Hòa Tịnh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
122	28341	NGUYỄN VĂN KIỂM	Thôn Hội Cư, xã Hào Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
123	28500	HUỲNH MẠNH		
124	28547	LÊ PHƯƠNG NAM		
125	28548	PHẠM HOÀI NAM		
126	28549	TRẦN THỊ HOÀI NAM		
127	28550	ĐẶNG NÁO		
128	28551	TRẦN TRỌNG NÃO		
129	28552	NGUYỄN THỊ NĂM		
130	28553	NGUYỄN VĂN NĂM		
131	28554	PHẠM NĂM		
132	28641	TRƯƠNG HOÀI PHI		
133	28681	NGUYỄN TRÍ QUANG	Phú Yên	
134	28919	PHAN VĂN THÔNG		

DANH SÁCH HỒ SƠ CÁN BỘ ĐI B CHƯA TRAO TRẢ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày tháng năm 2026)

STT	Hồ sơ số	Họ và Tên	Quê quán	Ghi chú
01	27958	HUỲNH NGỌC ANH	Thôn Hội Cư, xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
02	27964	THÁI ANH	Xã An Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
03	27977	ĐỖ NGỌC ÂN	Xã An Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
04	27984	PHẠM NGỌC ẨN	Xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
05	27988	NGUYỄN THANH BA	Vùng 3, xã An Lĩnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
06	27999	NGUYỄN BẢNG	Xã An Xuân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
07	28011	HUỲNH ĐÔNG BÍCH	Xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
08	28013	NGUYỄN THỊ LAN	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
09	28015	NGUYỄN BIỆN	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
10	28020a	TRẦN BÌNH	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
11	28028	HỒ VĂN BỐN	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
12	28033	LÊ VĂN BÚT	Xã An Lĩnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
13	28034	NGUYỄN CA	Thôn Nhơn Sơn, xã An Hòa, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
14	28072	TRẦN PHỤNG CƯƠNG	Thôn Hoa Mai, xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
15	28074	NGUYỄN CƯU	Thôn Trường Xuân, xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
16	28081	NGUYỄN TRUNG CHÁNH	Thôn Phú Mỹ, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
17	28089	ĐẶNG NGỌC CHÂU	Thôn 4, xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
18	28090	LƯU NGỌC CHÂU	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
19	28138	NGUYỄN DỄ	Thôn Tiên Châu, xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	

20	28161	NGUYỄN ĐẠI	Xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
21	28176	ĐÔC THANH ĐĂNG	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
22	28179	NGUYỄN BÁ ĐẶT	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
23	28187	HUỲNH NGỌC ĐIỆP	Xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
24	28201	LÊ XUÂN ĐỒNG	Xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
25	28220	LÊ VĂN ĐƯƠNG	Thôn Diên Điền, xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
26	28225	NGUYỄN VĂN GỖ	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
27	28234	NGUYỄN GIO	Xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
28	28252	NGUYỄN HẠO	Thôn Phú Thọ, xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, tỉnh Phú Yên	
29	28256	BÙI HÂN	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
30	28259	PHAN ĐÌNH HIỂM	Xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
31	28290	HUỲNH HỌC	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
32	28319	PHẠM PHI HÙNG	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
33	28321	LÊ TRỌNG HƯỜN	Xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
34	28327	HUỲNH THỊ HƯƠNG	Xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
35	28337	NGUYỄN TẤN KẾ	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
36	28350	LÊ BÁ KIM	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
37	28354	NGUYỄN MINH KÍNH	Xã An Thọ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
38	28365	ĐINH THỊ KHAM	Xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
39	28393	NGUYỄN KIM KHÔI	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
40	28410	HUỲNH LÂN	Xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
41	28418	NGUYỄN VĂN LÂU	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	

42	28432	VÕ THỊ ÁI LIÊN	Xã An Xuân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
43	28435	NGUYỄN LINH	Thôn Định Trung, xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
44	28446	TRẦN VĂN LONG	Xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
45	28455	HUỲNH LƠ	Thôn Phú Hội, xã an Ninh, hyện Tuy An, tỉnh Phú yên	
46	28461	ĐẶNG NGỌC LUNG	Xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
47	28485	NGUYỄN VĂN LÝ	Thôn Xuân Phu, xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
48	28487	PHAN THANH LÝ	Thôn Hội Tín, xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
49	28501	HUỲNH VĂN MẠNH	Xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
50	28504	TỀ VIẾT MAU	Xã An Lĩnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
51	28524	NGUYỄN VĂN MINH	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
52	28537	LÊ THẾ MỸ	Xã An Xuân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
53	28541	NGUYỄN VĂN MỸ	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh P.Yên	
54	28557	TRẦN THÔNG NIỆM	Xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
55	28559	VÕ NIÊN	Xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
56	28562	ĐỖ CÔNG NÔNG	Thôn Phú Hội, xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
57	28575	ĐẶNG BÁ NGHIỆP	Xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
58	28578	HUỲNH VĂN NGÓ	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh P.Yên	
59	28582	HUỲNH NGỌC	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh P.Yên	
60	28587	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh P.Yên	
61	28588	PHAN NGỌC	Xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
62	28590	TRẦN THANH NGỌC	Thôn Định Phong, xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	

63	28651	HOÀNG THÀNH PHỔ	Xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
64	28659	PHẠM VĂN PHÚC	Xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
65	28663	VÕ PHI PHỤNG	Xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
66	28665	NGUYỄN PHƯỚC	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh P.Yên	
67	28669	PHẠM THỊ PHƯỚC	Xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
68	28685	TRẦN KHẢ QUANG	Thôn Long Thủy, xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
69	28706	CAO RÕ	Thôn Trung Thành, xã An Xuân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
70	28716	NGUYỄN VĂN SÁU	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh P.Yên	
71	28728	NGUYỄN HẢI SƠN	Xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
72	28743	PHẠM SỪNG	Làng Phú Sơn, xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
73	28756	TRIỆU TÀI	Thôn Quảng Đức, xã An Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
74	28758	PHAN LONG TÀI	Thôn Phú Tân, xã An Cư huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
75	28794	NGUYỄN THÀNH TIÊN	Thôn Tân Định, xã An Hòa, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
76	28796	TRẦN THỊ KIM TIẾN	Vùng 1, xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
77	28799	NGUYỄN THÀNH TIÊU	Thôn Tâm Định, xã An Hòa, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
78	28814	VÕ TÚC	Xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
79	28828	VĂN TƯ	Xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
80	28845	NGUYỄN VĂN THÁI	Xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
81	28852	ĐỖ TẤN THANH	Thôn Vũng Bầu, xã An Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
82	28857	NGUYỄN VĂN THANH	Thôn Hội Phú, xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
83	28877	NGUYỄN TẤN THẢO	Thôn Chính Nghĩa, xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	

84	28883	NGUYỄN VĂN THẮNG	Thôn Mỹ Long, xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
85	28887	NGUYỄN THÊ	Xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
86	28892	TRẦN THI	Xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
87	28923	NGUYỄN THƠI	Thôn Diêm Điền, xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
88	28944	LÊ THƯA	Xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
89	28961	NGUYỄN NGỌC TRÂN	Xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
90	28977	PHẠM TRỌNG	Thôn Tân Hòa, xã An Hòa, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
91	28992	PHAN VĂN TRƯỜNG	Xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh P.Yên	
92	29004	NGUYỄN THANH VÂN	Xã An Xuân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
93	28059	ĐỖ NÔNG CÔNG	Thôn Phú Hội, xã An Minh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
94	28155	TRỊNH ĐÌNH DƯỢC	Xóm Yên Thượng, xã Phú Yên, tỉnh Phú Yên	
95	28217	TRỊNH ĐÌNH ĐƯỢC	Huyện Thắng Lợi, tỉnh Phú Yên	
96	28254	NGUYỄN VĂN HẠT	Thôn Mỹ Thanh, xã An Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
97	28500	HUỲNH MẠNH	Xã Chí Lai, huyện Lê Linh, tỉnh Phú Yên	
98	28547	LÊ PHƯƠNG NAM		
99	28548	PHẠM HOÀI NAM		
100	28549	TRẦN THỊ HOÀI NAM		
101	28550	ĐẶNG NÁO		
102	28551	TRẦN TRỌNG NÃO		
103	28552	NGUYỄN THỊ NĂM		
104	28553	NGUYỄN VĂN NĂM		
105	28554	PHẠM NĂM		
106	28641	TRƯƠNG HOÀI PHI		
107	28681	NGUYỄN TRÍ QUANG	Phú Yên	
108	28919	PHAN VĂN THÔNG		

DANH SÁCH HỒ SƠ CÁN BỘ ĐI B CHƯA TRAO TRẢ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày tháng năm 2026)

STT	Hồ sơ số	Họ và Tên	Quê quán	Ghi chú
01	27983	NGUYỄN QUỐC ÂN	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
02	27993	TRẦN XUÂN BÀI	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
03	28002	NGUYỄN BẮC	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
04	28004	BÙI NGỌC BÂN	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
05	28009	NGUYỄN THANH BI	Thôn Long Thạnh, xã Xuân Lộc, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
06	28029	NGUYỄN VĂN BỔN	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
07	28039	HUỲNH TẤN CẢNH	Xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
08	28040	HUỲNH TẤN CẢNH	Thôn Hòa Phú, xã Xuân Cảnh, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
09	28053	HUỲNH CÂN	Xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
10	28058	PHẠM VĂN CÂY	Thôn Chánh, xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
11	28066	LÊ CƯ	Xã Xuân Thọ, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
12	28083	NGUYỄN VĂN CHẠY	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
13	28085	HUỲNH VĂN CHẤN	Thôn Hòa Phú, xã Xuân Cảnh, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
14	28091	NGUYỄN NGỌC CHÂU	Xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
15	28102	TRẦN VĂN CHÍN	Thôn 7, xã Xuân Lộc, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
16	28114	NGUYỄN CHUNG	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
17	28118	NGUYỄN VĂN CHUYÊN	Thôn vĩnh Cửu Lợi, xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
18	28121	PHAN CHỨ	Thôn Tuy Phong, xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân	

19	28124	ĐẶNG VĂN CHƯƠNG	Thôn Long Phước, xã Xuân Phương, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
20	28140	NGUYỄN DIÊN	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
21	28160	NGUYỄN SĨ DZƯ	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
22	28186	ĐOÀN VĂN ĐIỆN	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
23	28191	NGUYỄN VĂN ĐIỆU	Thôn Sông Cầu, xã Sơn Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
24	28198	NGUYỄN HỮU ĐỘ	Thôn Sông Cầu, xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
25	28202	NGUYỄN ĐÔNG	Thôn Túy Phong 7, xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
26	28205	PHẠM ĐỒNG	Thôn Long lĩnh, xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
27	28207	BÙI TÂN ĐỨC	Xã Xuân Lộc, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
28	28211	LÊ TẤN ĐỨC	Xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
29	28242	PHẠM VĂN HẠNG	Thôn Mỹ Thượng, xã Xuân Thọ, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
30	28243	NGUYỄN HẠNH	Xã Xuân Lộc, Xã Xuân Thọ, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
31	28250	LÊ VĂN HẢO	Thôn Mỹ Lương, xã Xuân Thọ, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
32	28251	NGUYỄN PHỤNG HẢO	Thôn Lạc Chỉ, xã Xuân Thọ, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
33	28255	TRẦN NGỌC HAY	Xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
34	28257	ĐỊNH VĂN HẬU	Xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
35	28258	TRẦN HỮU HẬU	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
36	28286	VỎ ĐÔN HÓA	Xã Xuân Phương, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
37	28309	PHẠM HỮU HuỆ	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	

38	28311	LÊ QUANG HÙNG	Thôn Hòa Lợi, xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
39	28312	LÊ HÙNG	Thôn Tân Thạnh, xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
40	28326	ĐOÀN XUÂN HƯƠNG	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
41	28351	NGUYỄN HỮU KIM	Thôn vĩnh Cửu Lợi, xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
42	28372	ĐOÀN KHANH	Xã Xuân Phương, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
43	28376	BÙI QUANG KHÁNH	Xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
44	28441	NGÔ VĂN LONG	Thôn Lệ Uyên, xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
45	28483	NGUYỄN LÊ LÝ	Thôn An Thạnh, xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
46	28496	TRƯƠNG THỊ MAI	Xã Xuân Thọ, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
47	28561	PHẠM NÓI	Thôn Trung Trinh, xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
48	28566	NGUYỄN VĂN NGAY	Thôn Hòa An, xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
49	28579	NGUYỄN VĂN NGỌ	Thôn Hòa Phú, xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
50	28586	NGUYỄN NGỌC	Xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
51	28591	TRẦN VĂN NGỌC	Thôn Phụng Chữ, xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
52	28597	TRẦN THANH NGUYỆN	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
53	28598	NGUYỄN NGỰ	Xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
54	28601	ĐINH VĂN NHÀNH	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	

55	28603	HUỲNH KHÁNH NHÂN	Thôn Lệ Uyên, xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
56	28612	HUỲNH NHẬP	Thôn Hòa Phú, xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
57	28638	LÊ PHÁP	Xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
58	28647	NGUYỄN XUNG PHONG	Thôn Phụng Chử, xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
59	28667	NGÔ XUÂN PHƯỚC	Xã Xuân Hòa, Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
60	28683	NGUYỄN XUÂN QUANG	Xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
61	28688	NGUYỄN QuẾ	Xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
62	28690	TRẦN SÂM QuẾ	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
63	28705	NGUYỄN RỀN	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
64	28721	PHẠM HỮU SEN	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
65	28722	LÊ TẤN SĨ	Xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
66	28738	TRẦN SUNG	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
67	28747	LÊ TẤN SỸ	Thôn Triều Sơn, xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
68	28759	ĐINH VĂN TÁM	Xã Xuân Lộc, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
69	28770	NGUYỄN MẠNH TÂM	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
70	28782	NGUYỄN TẦN	Thôn Mỹ Thượng, xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
71	28787	NGUYỄN VĂN TÂN	Thôn Vĩnh Cửu Phú, xã Xuân Cảnh, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
72	28798	NGUYỄN VĂN TIẾT	Xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
73	28808	TRỊNH XUÂN TÔN	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	

74	28824	HỒ BÁ TƯ	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
75	28840	PHAN TÝ	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
76	28851	BÙI PHAN THANH	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
77	28876	HUỲNH VĂN THẢO	Thôn Vĩnh Cửu Phú, xã Xuân Cảnh, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
78	28880	NGÔ ĐỨC THẮNG	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
79	28881	NGUYỄN THĂNG	Thôn Phước lý, xã Xuân Phương, huyện Sông Cầu, tỉnh PhuYên	
80	28889	LÊ VĂN THI	Thôn Chánh Lộc, xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
81	28912	NGUYỄN XUÂN THOẠI	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
82	28922	VÕ VĂN THÔNG	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân 6, tỉnh Phú Yên	
83	28925	TRẦN VĂN THỜI	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
84	28931	TRẦN VĂN THUẨN	Thôn Cao Phong, xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân tỉnh Phú Yên	
85	28933	NGUYỄN THUẬN	Xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
86	28935	NGÔ THANH THỦY	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
87	28943	LÊ THƯA	Thôn Chánh Nam, xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
88	28951	NGUYỄN HỮU THƯỞNG	Xã Xuân Hòa, Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
89	28962	NGUYỄN VĂN TRẦN	Xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
90	28967	LÊ TRÍ	Xã Xuân Thọ, huyện ĐồngXuân, tỉnh Phú Yên	
91	28972	ĐOÀN TRIỂN	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
92	28989	LÊ TRƯƠNG	Xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
93	29015	HOÀNG VỌNG	Xã Xuân Cảnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	

94	29016	HUỲNH VUI	Thôn Mỹ Thượng, xã Xuân Thọ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
95	29019	NGUYỄN XANG	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
96	29036	NGUYỄN XUÂN YÊN	Xã Xuân Phương, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
97	28155	TRỊNH ĐÌNH DƯỢC	Xóm Yên Thượng, xã Phú Yên, tỉnh Phú Yên	
98	28217	TRỊNH ĐÌNH ĐƯỢC	Huyện Thắng Lợi, tỉnh Phú Yên	
99	28500	HUỲNH MẠNH	Xã Chí Lai, huyện Lê Linh, tỉnh Phú Yên	
100	28547	LÊ PHƯƠNG NAM		
101	28548	PHẠM HOÀI NAM		
102	28549	TRẦN THỊ HOÀI NAM		
103	28550	ĐẶNG NÁO		
104	28551	TRẦN TRỌNG NÃO		
105	28552	NGUYỄN THỊ NĂM		
106	28553	NGUYỄN VĂN NĂM		
107	28554	PHẠM NĂM		
108	28641	TRƯƠNG HOÀI PHI		
109	28681	NGUYỄN TRÍ QUANG	Phú Yên	
110	28919	PHAN VĂN THÔNG		

DANH SÁCH HỒ SƠ CÁN BỘ ĐI B CHƯA TRAO TRẢ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày tháng năm 2026)

STT	Hồ sơ số	Họ và Tên	Quê quán	Ghi chú
01	27961	NGUYỄN NGỌC ANH	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
02	27973	PHAN ẢNH	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
03	27987	Đỗ Văn Ba	Thôn Triêm Đức, xã Xuân Giang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.	
04	27991	NGUYỄN XUÂN BA	Thôn Đa Lộc, Xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
05	28006	TRẦN VĂN BÉ	Làng Hòa Bình, Phủ Trị An, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
06	28022	NGUYỄN THỚI BÌNH	Xã Long Bình, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
07	28026	RAH LAN BÔ	Thôn Bôn Ma Bài, xã Đá Mài, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.	
08	28027	VÕ VĂN BÔI	Thôn Phúc Dương, xã Xuân Thịnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
09	28036	NGUYỄN CÁCH	Thôn Phú Thạnh, xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
10	28041	NGUYỄN TẤN CẢNH	Thôn Long Hòa, Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
11	28042	PHAN VĂN CẢNH	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
12	28050	NGUYỄN CẦM	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
13	28052	PHAN VĂN CẦN	Xã Xuân Long, huyện Đồn Xuân, tỉnh Phú Yên	
14	28056	LÊ PHƯƠNG CẦU	Xã Xuân Sơn, huyện Đông Xuân, tỉnh Phú Yên	
15	28064	CAO VĂN CÚC	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
16	28082	TRẦN NGỌC CHÁNH	Thôn Phú Xuân A, xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	

17	28098	LƯU CHÍN	Thôn Long Thăng, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
18	28100	NGUYỄN THỊ CHÍN	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
19	28103	ĐỖ CHINH	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
20	28109	NGUYỄN CHÍ CHƠN	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
21	28119	PHAN CHUYÊN	Thôn Long Hà, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
22	28122	LA MAI CHỪNG	Xã Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
23	28123	RA LAM CHƯỚC	Làng Cà Tưởng, xã Đá Mài, huyền Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
24	28130	TRẦN DÀI	Thôn Kỳ Lộ, xã Xuân Quang, huyện Đông Xuân, tỉnh Phú Yên	
25	28134	VÕ VĂN DÂN	Xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
26	28136	VÕ DẬY	Thôn Kỳ Lộ, xã Xuân Quang, huyện Đông Xuân, tỉnh Phú Yên	
27	28153	NGUYỄN DỰ	Thôn Long Hà, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
28	28158	VÕ THÁI DƯƠNG	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
29	28174	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Xã Long Thạnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
30	28188	TRƯƠNG QUANG ĐIỀU	Thôn Long Thắng, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
31	28190	NGUYỄN ĐIỆU	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
32	28196	PHẠM MINH ĐOÀN	Xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
33	28199	SÔ MINH ĐÔN	Thôn Xý, xã Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
34	28206	SÔ ĐỢI	Thôn Suối Trầu, xã Đá Mãi, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	

35	28213	PHẠM MINH ĐỨC	Xã La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
36	28221	SIU GAI	Xã Thọ Lồ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
37	28249	PHẠM VĂN HÀO	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
38	28279	HỒ VĂN HÒA	Xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
39	28280	NGUYỄN QUỐC HOA	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
40	28281	NGUYỄN XUÂN HOA	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
41	28282	PHẠM THỊ HOA	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
42	28287	MAI MINH HOÀI	Xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
43	28289	NGUYỄN KHẢI HOÀN	Thôn Tân An, Xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
44	28292	NGUYỄN HỔ	Thôn Lang Bàn, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
45	28314	NGUYỄN TẤN HÙNG	Thôn Tân Vinh, xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
46	28332	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
47	28347	TRẦN KIỆT	Thôn Phú Xuân, xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
48	28349	HỒ KIM	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
49	28358	MĂNG KƯ	Làng Đồng, xã Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
50	28361	Y KỲ	Xã Đá Mài, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
51	28370	NGUYỄN KHÁNG	Thôn Phước Hòa, xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
52	28380	LÊ VĂN KHÂM	Thôn Thoại, xã Phú Mở, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
53	28383	PHAN KHI	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	

54	28388	HUỲNH KHIÊM	Thôn Thanh Đức, xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
55	28400	LÊ VĂN KHỨU	Thôn Xí, xã Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
56	28403	VÕ LAN	Xã Xuân Lộc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
57	28405	NGUYỄN LÃNG	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
58	28408	NGUYỄN MINH LÂM	Xã Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
59	28409	PHẠM NGỌC LÂM	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
60	28412	VŨ NGỌC LÂN	Xã Lệ Uyên, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
61	28416	LỄ LẬT	Thôn Long Thạch, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
62	28421	HUỲNH LỆ	Thôn Phước Nhuận, xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
63	28433	KA SÔ LIỄNG	Xã Bầu Bèo, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
64	28439	LÊ ĐỨC LONG	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
65	28447	VÕ THỊ LONG	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
66	28452	NGUYỄN VĂN LỘC	Xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
67	28470	LÊ LỰC	Xã Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
68	28497	XÔ MAN	Thôn Suối Trầu, xã Đá Mài, huyện Đồng Xuân tỉnh Phú Yên	
69	28525	NGUYỄN VĂN MINH	Thôn Thanh Đức, xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
70	28528	PHẠM VĂN MINH	Chòm Đồng Thành, thôn Thạch Đức Thượng, xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
71	28538	NGUYỄN MỸ	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	

72	28543	TRẦN THẾ MỸ	Làng Phước Huệ, xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
73	28555	TRẦN NGỌC NĂM	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
74	28556	TRƯƠNG NĂM	Thôn Thanh Đức, xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
75	28558	TRẦN TRỌNG NIỆM	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
76	28576	HỒ KẾ NGHIỆP	Xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
77	28581	HUỲNH KIM NGOẠN	Xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
78	28585	NGUYỄN NGỌC	Thôn Triệu Đức, xã Xuân, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
79	28602	TRẦN XUÂN NHẢY	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
80	28619	TÔ VĂN NHIÊN	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
81	28622	LÊ MAI NHÓT	Xã Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
82	28633	NGÔ HỒNG NHỰT	Xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
83	28645	NGUYỄN THANH PHONG	Xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
84	28649	VÕ THỊ PHONG	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
85	28661	NGUYỄN PHÙNG	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
86	28668	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	Xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
87	28674	TRỌNG PHƯƠNG	Xã Đá Mài, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
88	28686	VÕ NHƯ QUANG	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
89	28687	NGUYỄN NGỌC QUÀNG	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
90	28715	VÕ VĂN SANH	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	

91	28720	TRẦN SẺ	Thôn Long Thăng, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
92	28733	TRẦN DƯƠNG SƠN	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
93	28736	LÊ MINH SUNG	Xã Hải Phú, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
94	28742	NGUYỄN HỮU SỰ	Thôn Long Mỹ, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
95	28769	LA CHÍ TÂM	Xã Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
96	28789	VÕ THANH TÂN	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân,tỉnh Phú Yên	
97	28800	TRẦN TÍM	Thôn Thạnh Đức, xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
98	28816	PHẠM THANH TÙNG	Xã Sơn Hòa, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
99	28817	PHAN TÙNG	Xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
100	28821	TRẦN VĂN TÙY	Xã Phú Mỡ, huyện miền Tây, tỉnh Phú Yên	
101	28825	NGUYỄN KHẮC TƯ	Thôn Tân Phú, xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
102	28841	LÊ VĂN THÁC	Xã Xuân Lãnh, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
103	28842	NGUYỄN NGỌC THẠCH	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
104	28843	LÊ NGỌC THÁI	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
105	28854	LÊ THỊ THANH	Thôn Lãnh Trường, xã Xuân Lãnh, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
106	28873	ĐỖ VĂN THẠNH	Xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
107	28896	NGUYỄN THÍA	Thôn Xí, xã Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
108	28897	HUỲNH PHƯỚC THIỆN	Thôn Triều Đức, xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	

109	28898	LÊ MINH THIỆN	Thôn Triều Đức, xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
110	28901	RÔ VĂN THIẾU	Xã Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
111	28913	VÕ THOẠI	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân,tỉnh Phú Yên	
112	28920	TRẦN THÔNG	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân,tỉnh Phú Yên	
113	28926	NGUYỄN CHÍ THƠNG	Thôn Sỹ, xã Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
114	28955	TRẦN VĂN TRẠC	Thôn Lảnh Lộc, xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
115	28955a	NGUYỄN NGỌC TRÁC	Xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
116	28959	HOÀNG THỊ KIM TRÂM	Xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
117	28993	ĐẶNG VĂN ÚT	Thôn Bình Tây, xã Phước Lãnh, huyện Đồng Xuân tỉnh Phú Yên	
118	28994	SÔ ÚT	Thôn Suối Trầu, xã Đá Mài, huyện Đồng Xuân tỉnh Phú Yên	
119	29003	NGUYỄN THANH VÂN	Xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
120	29027	TẠ SƠN XUÂN	Xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
121	29028	VÕ THỊ XUÂN	Thôn Phú Vang, xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
122	29032	TRỊNH NGỌC Y	Xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
123	28155	TRỊNH ĐÌNH DƯỢC	Xóm Yên Thượng, xã Phú Yên, tỉnh Phú Yên	
124	28217	TRỊNH ĐÌNH ĐƯỢC	Huyện Thắng Lợi, tỉnh Phú Yên	
125	28293	Y HỒ	Xã Rông Ba, huyện Miền Tây, tỉnh Phú Yên	
126	28500	HUỲNH MẠNH	Xã Chí Lai, huyện Lê Linh, tỉnh Phú Yên	
127	28532	A MA MỚI	Xã Cà Súi, huyện Miền Tây, tỉnh P.Yên	
128	28547	LÊ PHƯƠNG NAM		
129	28548	PHẠM HOÀI NAM		

130	28549	TRẦN THỊ HOÀI NAM		
131	28550	ĐẶNG NÁO		
132	28551	TRẦN TRỌNG NÃO		
133	28552	NGUYỄN THỊ NĂM		
134	28553	NGUYỄN VĂN NĂM		
135	28554	PHẠM NĂM		
136	28641	TRƯƠNG HOÀI PHI		
137	28664	MAI MINH PHƯỚC	Làng Cà Lũi, tỉnh Phú Yên	
138	28681	NGUYỄN TRÍ QUANG	Phú Yên	
139	28919	PHAN VĂN THÔNG		

DANH SÁCH HỒ SƠ CÁN BỘ ĐI B CHƯA TRAO TRẢ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày tháng năm 2026)

STT	Hồ sơ số	Họ và Tên	Quê quán	Ghi chú
01	27954	TRẦN MINH AN	Thôn Quang Hưng, xã Hòa Vang, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
02	28061	ĐẶNG HỒNG CƠ	Xã Hòa An, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
03	28107	TRẦN CHỈNH	Xã Hòa Thắng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
04	28137	ĐOÀN VĂN DỄ	Thôn An Nghiệp, xã Hòa Định, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
05	28147	PHAN NGỌC DUNG	Xã Hòa Thắng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
06	28154	PHẠM TẤN DƯỢC	Xã Hòa An, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
07	28197	NGUYỄN ĐỌT	Xã Hòa Định, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
08	28288	ĐẶNG KHẢI HOÀN	Xã Hòa Thắng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
09	28299	LƯU XUÂN HỒNG	Xã Hòa Trị, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
10	28307	NGUYỄN THANH HUỆ	Thôn Mỹ Điền, xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa I, tỉnh Phú Yên	
11	28310	LÊ ĐỨC HÙNG	Thôn Phay Nìn, xã Hòa Thắng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
12	28342	TRẦN THỊ KIỂM	Xã Hòa An, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
13	28373	NGUYỄN KHANH	Xã Hòa Trị, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
14	28392	LÊ TẤN KHOA	Xã Hòa An, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
15	28401	VÕ LÀ	Thôn Vĩnh Phú, xã Hòa Thắng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
16	28422	LÊ VĂN LỆ	Thôn An Nghiệp, xã Hòa Định, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
17	28456	NGUYỄN LƠI	Thôn Mậu Lâm, xã Hòa Quang, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	

18	28471	LÊ LƯƠNG	Xã Hòa An, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
19	28488	ĐẶNG THỊ MAI	Xã Hòa An, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
20	28506	ĐINH MẪN	Xã Hòa Thắng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
21	28519	LƯƠNG VĂN MINH	Xã Hòa Thắng,huyện Tuy Hòa, tỉnh P.Yên	
22	28564	PHẠM VĂN NỮA	Thôn Thạnh Nghiệp, xã Hòa Định, huyện Tuy Hòa II, tỉnh Phú Yên	
23	28569	HUỲNH NGHÊ	Thôn Quy Hậu, xã Hòa Trị, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
24	28611	TRƯƠNG NHÂN	Thôn 10, xã Hòa Thắng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
25	28627	NGUYỄN VĂN NHU	Xã Hòa Định, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
26	28630	ĐẶNG THANH NHỦNG	Thôn An Niên, xã Hòa Thắng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
27	28695	TRẦN TẤN QUÝ	Xã Hòa Thắng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
28	28776	BÙI TÂN	Xóm Chiếu, xã Hòa An, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
29	28783	NGUYỄN TẤN	Xã Hòa Quang, huyện Tuy Hòa , tỉnh Phú Yên	
30	28820	ĐỖ NGỌC TỤY	Xã Hòa Vang, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
31	28834	LÊ VĂN TỰNG	Xã Hòa Thắng,huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
32	28862	VÕ THANH	Phường 2, xã Hòa An, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
33	28863	ĐÀO TIẾN THÀNH	Xã Hòa An, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
34	28874	NGUYỄN ĐỨC THẠNH	Xã Hòa Trị, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
35	28893	TRƯƠNG ĐỨC THI	Thôn An Nghiệp, xã Hòa Định, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
36	28895	NGUYỄN THÌ	Xã Hòa Thắng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
37	28903	NGUYỄN VĂN THINH	Xã Hòa Thắng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
38	28921	TRẦN VĂN THỐNG	Xã Hòa Thắng Đông, huyện Tuy Hòa II, tỉnh Phú Yên	

39	28936	PHẠM THỊ THANH THỦY	Xã Hòa Trị, huyện Tuy Hòa II, tỉnh Phú Yên	
40	28957	NGUYỄN TRANH	Thôn Long Tường, xã Hòa Trị, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
41	28964	NGUYỄN TRẤP	Xã Hòa An, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
42	29009	NGUYỄN HÙNG VINH	Thôn Mậu Lâm, xã Hòa Quang, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
43	29024	ĐẶNG HỒNG XƠ	Thôn Phường Nhất, xã Hòa An, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
44	29030	NGUYỄN VĂN XÚC	Thôn Phước Khánh, xã Hòa Trị, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
45	28155	TRỊNH ĐÌNH DƯỢC	Xóm Yên Thượng, xã Phú Yên, tỉnh Phú Yên	
46	28217	TRỊNH ĐÌNH ĐƯỢC	Huyện Thắng Lợi, tỉnh Phú Yên	
47	28308	NGUYỄN THÀNH HUỆ	Xã Hòa Quan, huyện Tuy Hòa 2, tỉnh Phú Yên	
48	28315	NGUYỄN VĂN HÙNG	Xã Hòa Tịnh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
49	28371	BÙI CÔNG KHANH	Xã Hòa Vang, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
50	28500	HUỲNH MẠNH	Xã Chí Lai, huyện Lê Linh, tỉnh Phú Yên	
51	28547	LÊ PHƯƠNG NAM		
52	28548	PHẠM HOÀI NAM		
53	28549	TRẦN THỊ HOÀI NAM		
54	28550	ĐẶNG NÁO		
55	28551	TRẦN TRỌNG NÃO		
56	28552	NGUYỄN THỊ NĂM		
57	28553	NGUYỄN VĂN NĂM		
58	28554	PHẠM NĂM		
59	28593	NGUYỄN VĂN NGỘ	Huyện Hòa An, tỉnh Phú Yên	
60	28641	TRƯƠNG HOÀI PHI		
61	28681	NGUYỄN TRÍ QUANG	Phú Yên	
62	28919	PHAN VĂN THÔNG		

DANH SÁCH HỒ SƠ CÁN BỘ ĐI B CHƯA TRAO TRẢ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày tháng năm 2026)

STT	Hồ sơ số	Họ và Tên	Quê quán	Ghi chú
01	28078	NGUYỄN CỬU	Thôn Thương Phú, xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
02	28092	TRẦN CHÂU	Xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
03	28094	PHẠM VĂN CHI	Phường 6, thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
04	28133	TRẦN NGỌC DÂN	Thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
05	28155	TRỊNH ĐÌNH DƯỢC	Xóm Yên Thượng, xã Phú Yên, tỉnh Phú Yên	
06	28264	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	Thôn Ninh Định, xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
07	28414	NGUYỄN XUÂN LẬP	Phường I, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
08	28426	NGUYỄN LIÊM	Thôn Phước Hậu, xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
09	28437	VÕ THỊ LOAN	Thôn Liên Trì, xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
10	28448	VŨ TẤN LONG	Xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa II, tỉnh Phú Yên	
11	28451	NGUYỄN QUỐC LỘC	Xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
12	28458	TRẦN TÂN LUÂN	Thôn Phước Hậu, xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
13	28521	NGUYỄN DUY MINH	Phường Tư, thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
14	28523	NGUYỄN VĂN MINH	Phường Nhất, thị xã Tuy Hòa, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
15	28527	NGUYỄN VĂN MINH	Huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
16	28531	BÙI MÔN	Phường 2, thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
17	28542	TRẦN CÔNG MỸ	Phường III, thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
18	28567	NGUYỄN THÀNH NGÂN	Xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	

19	28594	HÀN TÀI NGUYÊN	Phường III, thị xã Tuy Hòa, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
20	28613	ĐẶNG MINH NHẬT	Thị xã Tuy Hòa, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
21	28636	NGUYỄN VĂN PHA	Phường V, thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
22	28639	LÊ TRỌNG PHÁT	Xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
23	28642	ĐẶNG PHÒ	Xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
24	28643	NGUYỄN TÙNG PHONG	Huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
25	28653	NGUYỄN ĐỨC PHỐI	Thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
26	28657	NGUYỄN TRỌNG PHÚ	Xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
27	28699	NGUYỄN BÁ QUYẾT	Thôn Ninh Tịnh, xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
28	28735	NGUYỄN TÀI SUM	Huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
29	28739	TRẦN SUNG	Xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
30	28751	PHAN VĂN SỸ	Thôn Tiên Trì, xã Hòa Kiến huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
31	28847	TRẦN QUANG THÁI	Tuy Hòa, thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
32	28850	VÕ THÁI	Thôn Thượng Phú, xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa tỉnh Phú Yên	
33	28900	NGUYỄN THIỆT	Phường Nhất, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
34	28934	PHẠM THUẬN	Thôn Phước Hội, Xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
35	28940	TRẦN THỊ MINH THƯ	Huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
36	28978	HUỲNH TRỢ	Thôn Phước Hậu, xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
37	28981	ĐỖ BÁCH TRÚ	Thôn Phước Hậu, xã Hòa Kiếm, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
38	28986	PHẠM HỒNG TRUNG	Phường Đệ Nhị, thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	

39	29006	HÀ THỊ VẬN	Phường 1, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
40	29033	ĐẶNG THỊ THU YẾN	Thôn Liên Trò, xã Hòa Kiến, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
41	28217	TRỊNH ĐÌNH ĐƯỢC	Huyện Thắng Lợi, tỉnh Phú Yên	
42	28547	LÊ PHƯƠNG NAM		
43	28550	ĐẶNG NÁO		
44	28551	TRẦN TRỌNG NÃO		
45	28552	NGUYỄN THỊ NĂM		
46	28595	LÊ NGUYÊN	Xã Quy Hậu, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
47	28641	TRƯƠNG HOÀI PHI		
48	28681	NGUYỄN TRÍ QUANG	Phú Yên	
49	28919	PHAN VĂN THÔNG		

DANH SÁCH HỒ SƠ CÁN BỘ ĐI B CHƯA TRAO TRẢ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày tháng năm 2026)

STT	Hồ sơ số	Họ và Tên	Quê quán	Ghi chú
01	27953	HOÀNG AN	Thôn Vạn Lộc, xã Hòa Mỹ, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
02	27967	VÕ NGỌC ANH	Thôn Vạn Lộc, xã Hòa Mỹ, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
03	27969	LÊ THỊ TRUNG ÁNH	Xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa tỉnh Phú Yên	
04	27971	NGUYỄN KIM ẢNH	Xã Hòa Bình, huyện Hòa, tỉnh Phú Yên	
05	27976	ĐÀO PHÚ ÂN	Xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa tỉnh Phú Yên	
06	28025	NGUYỄN VĂN BỐ	Thôn Mỹ Trung, xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa I, tỉnh Phú Yên.	
07	28054	PHẠM CẬN	Xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
08	28057	PHẠM CẬU	Thôn Phong Phú, xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
09	28062	NGUYỄN VĂN CƠ	Thôn Phước Mỹ, xã Hòa Bình, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
10	28164	NGUYỄN THANH ĐÁNG	Thôn Vạn Lộc, xã Hòa Mỹ, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
11	28168	LÊ THỊ HỒNG ĐÀO	Xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
12	28222	NGUYỄN VĂN GẠT	Thôn Phú Phong, xã Hòa Đồng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
13	28232	TRẦN VĂN GIÁO	Xã Hòa Bình, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
14	28238	NGUYỄN NGỌC HÀ	Xã Hòa Mỹ, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
15	28239	PHẠM BÍCH HẢI	Xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
16	28265	ĐẶNG HIỆP	Xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
17	28266	LÊ VĂN HIỆP	Xóm Nguyễn, thôn Phú Thuận, xã Hòa Mỹ, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
18	28273	NGUYỄN CÔNG HIẾU	Xã Hòa Đồng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	

19	28297	LÊ TẤN HỒNG	Thôn Xuân Mỹ, xã Hòa Mỹ, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
20	28316	NGUYỄN XUÂN HÙNG	Thôn Mỹ Hòa, xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
21	28367	NGUYỄN NGỌC KHẢM	Xã Hòa Mỹ, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
22	28375	NGUYỄN QUANG KHANH	Thôn Mỹ Thạnh, xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
23	28381	TRẦN VĂN KHẤU	Thôn Xuân Mỹ, xã Hòa Mỹ, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
24	28385	BÙI THỊ MINH KHÍA	Xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
25	28429	NGUYỄN THỊ LIÊN	Xã Hòa Đồng, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
26	28442	PHAN THANH LONG	Xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
27	28468	TRẦN VĂN LỰ	Thôn Mỹ Thạnh Trung, xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
28	28495	NGUYỄN XUÂN MAI	Xã Hòa Bình, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
29	28516	LÊ VĂN MINH	Xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh P.Yên	
30	28526	NGUYỄN VĂN MINH	Xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
31	28637	NGUYỄN THỊ PHÁN	Thôn Vạn Lộc, xã Hòa Mỹ, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
32	28702	NGUYỄN RẢNG	Xã Sơn Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
33	28772	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	Xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh P.Yên	
34	28809	LÊ TỔNG	Thôn Phước Hùng, xã Hòa Bình, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
35	28838	ĐÔNG SỸ TỲ	Xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh P.Yên	
36	28849	TRỊNH QUỐC THÁI	Xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh P.Yên	
37	28859	PHAN HỒNG THANH	Xã Hòa Bình, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	

38	28870	NGÔ VĂN THẢNH	Thôn Quảng Trường, xã Hòa Mỹ, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
39	28929	VÕ VĂN THỤ	Xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
40	28937	VÕ TRỌNG THÚY	Thôn Mỹ Phú, xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
41	28947	TRẦN VĂN THỨC	Xã Hòa Bình, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
42	28956	TRẦN TRẢNG	Thôn Ngọc Lân, xã Hòa Mỹ, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
43	28960	NGUYỄN NGỌC TRÂN	Thôn Xuân Thạnh, xã Hòa Tân, huyện Tuy Hòa I, tỉnh Phú Yên	
44	28995	ĐẶNG ƯA	Xã Hòa Bình, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
45	29001	TRẦN VĂN	Thôn Thạch Bàn, xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
46	29010	NGUYỄN TẤN VINH	Thôn Mỹ Trung, xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
47	29034	LÊ TRỌNG YẾN	Xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
48	28075	ĐOÀN CỪU	Xã Hoài Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
49	28155	TRỊNH ĐÌNH DƯỢC	Xóm Yên Thượng, xã Phú Yên, tỉnh Phú Yên	
50	28217	TRỊNH ĐÌNH ĐƯỢC	Huyện Thắng Lợi, tỉnh Phú Yên	
51	28498	NGUYỄN MẠNG	Xã Hòa Thanh, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	
52	28500	HUỲNH MẠNH	Xã Chí Lai, huyện Lê Linh, tỉnh Phú Yên	
53	28547	LÊ PHƯƠNG NAM		
54	28548	PHẠM HOÀI NAM		
55	28549	TRẦN THỊ HOÀI NAM		
56	28550	ĐẶNG NÁO		
57	28551	TRẦN TRỌNG NÃO		
58	28552	NGUYỄN THỊ NĂM		
59	28553	NGUYỄN VĂN NĂM		
60	28554	PHẠM NĂM		
61	28608	NGUYỄN HỮU NHẪN	Xã Hà Tân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	

62	28641	TRƯƠNG HOÀI PHI		
63	28681	NGUYỄN TRÍ QUANG	Phú Yên	
64	28919	PHAN VĂN THÔNG		

DANH SÁCH HỒ SƠ CÁN BỘ ĐI B CHƯA TRAO TRẢ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày tháng năm 2026)

STT	Hồ sơ số	Họ và Tên	Quê quán	Ghi chú
01	27948a	ĐẶNG VĂN A	Thôn Trung Trinh, xã Sơn Long, huyện Sơn Hà, tỉnh Phú Yên	
02	28146	KSƠR PHONG DJƠN	Thôn Mã Vôi, xã Suối Trai, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
03	28178	VÕ ĐẶNG	Xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
04	28200	VĂN ĐỒN	Xã Sơn Bình, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
05	28224	Y GẦY	Làng Suối Hạc, xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
06	28277	AMA HOA	Xã Cá Lúi, huyện Xuân Hòa, tỉnh Phú Yên	
07	28522	NGUYỄN QUANG MINH	Xã Sơn Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	
08	28534	NGUYỄN MỚI	Xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
09	28545	BÁ VĂN NAM	Xã Suối Bạc, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
10	28596	NGUYỄN VĂN NGUYÊN	Xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
11	28635	PHẠM Ổi	Thôn Bầu Tre, xã Sơn Phước, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
12	28717	NGUYỄN VĂN SÁU	Xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa, Phú Yên	
13	28725	RA LAN SOA	Bàng Buôn Sái, xã Suối Trai,huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
14	28831	LÂM TĂNG TƯ	Xã Cà Lúi, huyện Sơn Hòa tỉnh Phú Yên	
15	28832	BÙI TỰ	Thôn Hòn Ó, làng Phước Thuận, xã Sơn Phước, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
16	28996	KPÃ Y VAN	Amađao, xã Cà Lúi, Miền Tây, tỉnh Phú Yên	
17	28139	Y HING KPA HÔ DI	Buôn Hưng, xã Sông Hương, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	

18	28155	TRỊNH ĐÌNH DƯỢC	Xóm Yên Thượng, xã Phú Yên, tỉnh Phú Yên	
19	28217	TRỊNH ĐÌNH ĐƯỢC	Huyện Thắng Lợi, tỉnh Phú Yên	
20	28293	Y HỒ	Xã Rông Ba, huyện Miền Tây, tỉnh Phú Yên	
21	28328	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	Xã Hòa Xuân Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
22	28343	HỒ VĂN KIÊN	Xã Sơn Bình, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
23	28500	HUỲNH MẠNH	Xã Chí Lai, huyện Lê Linh, tỉnh Phú Yên	
24	28547	LÊ PHƯƠNG NAM		
25	28548	PHẠM HOÀI NAM		
26	28571	NGUYỄN NGHĨA	Thôn Cung Sơn, xã Sơn Bình, huyện Sơn Hà, tỉnh Phú Yên	
27	28549	TRẦN THỊ HOÀI NAM		
28	28550	ĐẶNG NÁO		
29	28551	TRẦN TRỌNG NÃO		
30	28552	NGUYỄN THỊ NĂM		
31	28553	NGUYỄN VĂN NĂM		
32	28554	PHẠM NĂM		
33	28641	TRƯƠNG HOÀI PHI		
34	28681	NGUYỄN TRÍ QUANG	Phú Yên	
35	28853	HOÀNG THÚC THANH	Xã Sơn Bình, huyện Sơn Hòa, tỉnh P.Yên	
36	28855	NGUYỄN CAO THANH	Xã Sơn Bình, huyện Sơn Hòa, tỉnh P.Yên	
37	28919	PHAN VĂN THÔNG		

DANH SÁCH HỒ SƠ CÁN BỘ ĐI B CHƯA TRAO TRẢ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày tháng năm 2026)

STT	Hồ sơ số	Họ và Tên	Quê quán	Ghi chú
01	28599	NGUYỄN BÁ NHA	Xã Đức Bình, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	
02	28155	TRỊNH ĐÌNH DƯỢC	Xóm Yên Thượng, xã Phú Yên, tỉnh Phú Yên	
03	28217	TRỊNH ĐÌNH ĐƯỢC	Huyện Thắng Lợi, tỉnh Phú Yên	
04	28293	Y HỒ	Xã Rông Ba, huyện Miền Tây, tỉnh Phú Yên	
05	28500	HUỲNH MẠNH	Xã Chí Lai, huyện Lê Linh, tỉnh Phú Yên	
06	28532	A MA MỚI	Xã Cà Súi, huyện Miền Tây, tỉnh P.Yên	
07	28547	LÊ PHƯƠNG NAM		
08	28548	PHẠM HOÀI NAM		
09	28549	TRẦN THỊ HOÀI NAM		
10	28550	ĐẶNG NÁO		
11	28551	TRẦN TRỌNG NÃO		
12	28552	NGUYỄN THỊ NĂM		
13	28553	NGUYỄN VĂN NĂM		
14	28554	PHẠM NĂM		
15	28641	TRƯƠNG HOÀI PHI		
16	28664	MAI MINH PHƯỚC	Làng Cà Lũi, tỉnh Phú Yên	
17	28681	NGUYỄN TRÍ QUANG	Phú Yên	
18	28919	PHAN VĂN THÔNG		